

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-10-2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Võ Lệ Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Thu Th, sinh năm 1996.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu phố HL, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, khu phố HL, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Lê Hùng S, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu phố HL, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, khu phố HL, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

(Chị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh S vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị Thu Th trình bày: Sau khi tìm hiểu thì chị Lê Thị Thu Th và anh Lê Hùng S đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 5 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến cuối năm 2020 thì phát sinh bất hòa và xảy ra và mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên thường hay cãi vã, và ngày càng trầm trọng hơn, do muốn hàn gắn hạnh phúc nên chị Th đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng vẫn không đạt được kết quả. Chị Th thấy cuộc sống vợ chồng ngày càng không hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm đến nhau, Mỗi người tự cô lập mình và từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng cũng không thể nào về sống chung được. Chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được. Mặc dù chị T đã nhiều lần cố gắng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu Th yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hùng S.

Về con chung: Chị Lê Thị Thu Th và anh Lê Hùng S có 01 con chung là Lê Hùng Gia B sinh ngày: 04/7/2017. Hiện cháu B được chị Th trực tiếp nuôi dưỡng nên chị Th yêu cầu được nuôi và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Hùng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Chị Lê Thị Thu Th và anh Lê Hùng S có 01 con chung là Lê Hùng Gia B sinh ngày: 04/7/2017. Chị Th hiện là người nuôi dưỡng cháu B từ khi ly thân với chồng nghĩ nên giao cháu B cho chị Th nuôi dưỡng là có căn cứ. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Th và anh S sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, nay chị Th yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh S ở thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Th vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị Th.

Anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh S trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 5 năm 2017 tại UBND thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không hiểu nhau, không có tiếng nói chung và thường xảy cãi vã.

Từ những mâu thuẫn kéo dài, thường xảy ra cãi vã xung đột nên dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng trở nên buồn chán, và ngày càng căng thẳng làm cho vợ chồng không còn muốn gần gũi. Do mâu thuẫn kéo dài mà không được xoa dịu và hàn gắn mà ngày càng trầm trọng hơn nên từ cuối năm 2020 chị Th bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống và từ đó vợ chồng ly thân.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị Th, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh S để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân, nhưng anh S vẫn cố tình không đến, không lý do, điều đó chứng tỏ anh S không có thiện chí để đoàn tụ với chị Th để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung. Ngoài ra theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa chị Th và anh S là có thật. Từ khi vợ chồng mâu

thuần đến nay đã trải qua một thời gian dài khá lâu nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại hạnh phúc của gia đình.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh S ngày càng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th được ly hôn với anh S.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Thu Th và anh Lê Hùng S có 01 con chung là Lê Hùng Gia B sinh ngày: 04/7/2017. Cháu B được chị Th nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân. Chị Th nguyện vọng được nuôi. Xét từ ngày vợ chồng ly thân cho đến nay chị Th vẫn nuôi và chăm sóc cháu B phát triển tốt. Để không xáo trộn cuộc sống của cháu nghĩ nên giao cháu B cho chị Th nuôi là có căn cứ.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, khoản 3 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thu Th và anh Lê Hùng S.
2. Về con chung: Chị Lê Thị Thu Th và anh Lê Hùng S có 01 con chung là Lê Hùng Gia B sinh ngày: 04/7/2017. Giao cháu Lê Hùng Gia B cho chị Lê Thị Thu Th tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Hùng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005194 ngày 14 tháng 3 năm 2021; Chị Lê Thị Thu Th nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14-10-2022) các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xin xét xử phúc thẩm, đối với các đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi gửi:

- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã Bình Ba, CĐ.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÀO TRỌNG HẢI

Hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

